

Bản án số: 54/2024/DS-ST  
Ngày 15/8/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi  
(nợ hụi)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bảo Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thạch Hoàng Tha

Ông Nguyễn Thanh Rực

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như -Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2024/TLST-DS ngày 03/6/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi (nợ hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số C ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Phương M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc T trình bày:

Do quen biết với nhau nên bà T có tham gia chơi 02 dây hụi do bà M tổ chức khai hụi (đầu thảo), cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, vào ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch), bà T tham gia chơi 02 phần hụi, hụi 05 ngày mở hụi và góp hụi 01 lần, dây hụi có 60 phần hụi còn bao nhiêu hụi viên thì bà T không biết rõ, hụi có mệnh

giá là 200.000 đồng/phần hội, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng (tiền đầu thảo) là 200.000 đồng, đây hội này thì bà T chưa lĩnh hội, bà T góp hội được 38 kỳ thì bà M đình hội nên số tiền bà M còn nợ của bà T là 200.000 đồng/phần hội x 02 phần x 38 kỳ hội = 15.200.000 đồng.

Dây thứ hai, cũng vào ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch), bà T tham gia chơi 01 phần hội, hội 05 ngày mở hội và góp hội 01 lần, đây hội có 60 phần hội còn bao nhiêu hội viên thì bà T không biết rõ, hội có giá là 200.000 đồng/phần hội, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng (tiền đầu thảo) là 200.000 đồng, đây hội này thì bà T chưa lĩnh hội, bà T góp hội được 38 kỳ nên số tiền bà M còn nợ của bà T là 200.000 đồng/phần hội x 01 phần x 38 kỳ hội = 7.600.000 đồng.

Mặt khác, bà T còn châu (chồng) tiền hội cho bà M ở đây hội thứ nhất 18.000.000 đồng là 02 phần hội, khi hội kết thúc thì bà T được lĩnh là 24.000.000 đồng nhưng bà M vẫn không thanh toán cho bà T.

Ngoài ra, số tiền đầu thảo là do bà M và các hội viên tự thỏa thuận, bà M có làm cuốn sổ ghi tên hội viên, số phần hội, ngày hốt hội nhưng không có làm phoi hội hay biên nhận cho các hội viên, cuốn sổ của bà M chỉ ghi tên mà không có địa chỉ nơi cư trú cụ thể của hội viên, không có lập văn bản thỏa thuận giữa chủ hội với các hội viên về việc khai hội và lĩnh hội, các lần bà T đóng hội thì đến nhà của bà M để đóng trực tiếp cho bà M, việc đóng hội thì không có lập các biên nhận thể hiện việc giao nhận tiền góp hội. Khi tiến hành khai hội thì bà M có tổ chức bỏ thăm khai hội, ai bỏ thăm cao thì lĩnh hội. Bà T thừa nhận chỉ tham gia chơi 02 dây hội nêu trên mà không tham gia bất kỳ dây hội nào của bà M.

Nay bà Thương yêu cầu giải quyết buộc bà M thanh toán số tiền nợ hội của 02 dây hội là 22.800.000 đồng và tiền nợ đã châu (chồng) hội là 24.000.000 đồng, tổng cộng là 46.800.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị Phương M trình bày*

Bà T có tham gia chơi 01 dây hội khai vào ngày tháng nào thì bà M không nhớ rõ chỉ nhớ khoảng năm 12/2020 dương lịch, đây hội do bà M làm đầu thảo, hội 05 ngày mở hội 01 lần, hội có lãi, đây hội có 60 phần hội và có 60 hội viên tham gia, bà T tham gia chơi 01 phần hội, đây hội này đóng đến kỳ thứ 38 thì bà M đình hội do dịch Covid-19, bà T góp hội được 38 kỳ, đối với phần hội của bà T đang là hội sống với số tiền là 4.000.000 đồng và bà M đã thanh toán xong nên không nợ tiền hội của bà T. Nay bà M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T vì không có nợ tiền hội gì của bà T, còn bà T khởi kiện thì đề nghị cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà M còn nợ hội.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện

kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Bà Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Phương M cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi (nợ hụi)” và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản bác của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

[2.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì bà T cung cấp 03 tờ giấy tập học sinh có ghi chữ và số, bà T thừa nhận là do bà tự ghi thể hiện việc góp hụi và khai hụi trong 02 dây hụi của bà M tổ chức mà bà T có tham gia chơi. Xét thấy, các tờ giấy tập học sinh do bà T cung cấp không thể hiện được cụ thể các lần góp hụi, số tiền góp hụi cho bà M và tên các hụi viên cùng tham gia chơi chung 02 dây hụi với bà T, cũng như các tờ giấy tập nêu trên do bà T tự ghi chú để theo dõi việc tham gia chơi hụi mà không có xác nhận của chủ hụi là bà M hoặc thỏa thuận nào khác ràng buộc trách nhiệm của bà M trong các tờ giấy hụi này.

Vì vậy, tài liệu, chứng cứ nêu trên chưa đảm bảo tính xác thực và tính khách quan của chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo đúng nội dung yêu cầu của Tòa án. Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà bà T đã giao nộp thì bà T không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác như biên nhận, giấy thỏa thuận góp hụi, sổ hụi hay người làm chứng, người chứng kiến sự việc hoặc họ tên hụi viên cùng tham gia chơi 02 dây hụi mà bà T đã khởi kiện để tiến hành xác minh làm rõ nên bà T chưa thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh được quy định tại Khoản 1 Điều 6, Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được*

*chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”.*

[2.3]. Mặt khác, bà **T** còn khẳng định chỉ tham gia chơi 02 dây hụi do bà **M** tổ chức vào ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch) mà không tham gia chơi bất kỳ dây hụi nào khác của bà **M**, còn bà **M** chỉ thừa nhận bà **T** chỉ tham gia chơi 01 dây hụi do bà **M** tổ chức vào khoảng năm 12/2020 dương lịch. Xét thấy, do bà **T** là người đưa ra yêu cầu buộc bà **M** phải thanh toán tiền nợ hụi và châu hụi đối với 02 dây hụi ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch) nên phải có nghĩa vụ chứng minh đúng là có sự việc giao kết hợp đồng góp hụi vào thời gian trên và chứng minh được nghĩa vụ trả lại tiền nợ hụi và châu hụi của bà **M**, nhưng bà **T** không chứng minh được vào ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch) giữa bà **T** và bà **M** có phát sinh giao dịch dân sự về hụi và còn nợ hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về họ, hụi, biếu, phường nên chưa đủ căn cứ vững chắc để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bà **T**.

[2.4]. Ngoài ra, khi tham gia chơi hụi thì bà **T** cũng chưa thực hiện hết các quyền của hụi viên được quy định tại Điều 13, điểm d Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường: “*Khi góp họ, lĩnh họ, nhận lãi, trả lãi hoặc thực hiện giao dịch khác có liên quan thì thành viên có quyền yêu cầu chủ họ hoặc người lập và giữ sổ họ cấp giấy biên nhận về việc đó.*” và “*Yêu cầu chủ họ hoặc người giữ sổ họ cho xem, sao chụp sổ họ và cung cấp các thông tin liên quan đến dây họ*”, nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi là bà **M** đối với hụi viên là bà **T**.

Từ các căn cứ trên và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ nên phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Trần Thị Ngọc T** về việc yêu cầu bị đơn là bà **Võ Thị Phương M** thanh toán số tiền nợ hụi đối với 02 dây hụi tổ chức khai hụi ngày 20/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 22/7/2019 dương lịch) với số tiền là 46.800.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị Ngọc T** phải chịu án phí là 2.340.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005453 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà **Trần Thị Ngọc T** còn phải chịu án phí là 1.170.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Bảo Quốc**

